

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠ VỪA
(Từ ngày 01 đến 15/11/ 2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn TBNN cùng kỳ 105%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình giảm so với kì trước do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 51%. + Trên sông Hồng: Nửa cuối tháng 10 hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu điều tiết ảnh hưởng hồ chứa thượng lưu (hồ Hòa Bình đóng 01 cửa xả đáy và Tuyên Quang mở 01 cửa xả đáy) nên dòng chảy hạ lưu sông Hồng ở mức cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 65%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 46%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 49%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 15 ngày qua do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 10% + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-70mm, có nơi thấp hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có xu thế giảm mạnh so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 197% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Lục Nam, lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ giảm mạnh so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 91%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu lưu lượng dòng chảy dự báo sẽ giảm chậm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 11%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy giảm nhẹ so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa-Bắc Nghệ An có mưa từ 10-40mm; Nam Nghệ An đến Hà Tĩnh có mưa 160-500mm; Quảng Trị đến Huế: 550-1300mm, riêng tại Nam Đông có mưa 2251mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 10/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 48%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 32%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 33%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn 59%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 10, trên các sông xuất hiện 1 -2 đợt lũ. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 254%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn; phía Nam 100-250mm, riêng Huế có nơi 250-500mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 11/2025, lưu

lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với nửa cuối tháng 10, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 19%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 14%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 43%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn khoảng 49%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 11, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và ở mức cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức thấp hơn TBNN 92%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía bắc phổ biến 700-1000mm, riêng Trà My 1919mm; phía nam từ 200-320mm, riêng Tuy Hòa 476mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 10, trên các sông xuất hiện một đợt lũ lớn. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 157%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 127%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Nửa cuối tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng do đã xảy ra hai đến ba đợt lũ với biên độ 2-3m. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 39%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn xấp xỉ TBNN, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 47%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 143%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 68% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía bắc phổ biến 150-300mm, có nơi cao hơn; phía nam 70-150mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 11, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và ở mức cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 48%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 175%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Có thể xuất hiện 1-2 đợt lũ và dao động. Lưu lượng dòng chảy trên các sông có khả năng tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 19% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 45% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 70-140mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 10, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk phổ biến cao hơn so với nửa đầu tháng; riêng sông Đắk Tô Kan, sông Srêpôk lưu lượng dòng chảy giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 30%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-150mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 11, trên lưu vực các sông có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 30%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 30% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 22%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/11/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/11/2025

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	13	<74	10-30	<10-20
	Sơn La	8	<46	10-30	<10-20
	Hòa Bình	17	<67	10-30	<10-20
	Lào Cai	40	<16	10-30	<10-20
	Yên Bái	17	<68	10-30	<10-20
	Tuyên Quang	6	<83	10-30	<10-20
	Hà Giang	55	<1	10-30	<10-20
	Láng	23	<55	10-30	<10-20
	Thái Bình	14	<81	20-40	<10-20
	Nam Định	11	<85	20-40	<10-20
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	16	<43	10-30	<10-20
	Thái Nguyên	11	<68	20-40	<10-20
	Bắc Ninh	65	>56	10-30	<10-20
	Lạng Sơn	26	<14	20-40	<10-20
	Bắc Giang	59	>82	20-40	<10-20
	Hải Dương	62	>51	20-40	<10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	16	<61	30-60	<10-20
	Bái Thượng	11	<86	30-60	<10-20
	Thanh Hóa	27	<68	30-60	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	13	<81	30-60	Xấp xỉ
	Cửa Rào	39	<20	30-60	Xấp xỉ
	Đô Lương	163	<2	50-100	Xấp xỉ
	Vinh	232	<13	70-140	Xấp xỉ
	Hương Sơn	263	>10	100-200	Xấp xỉ
	Hương Khê	324	>20	100-200	Xấp xỉ
	Hà Tĩnh	497	>28	150-250	Xấp xỉ
	Đồng Hới	704	>136	150-250	Xấp xỉ
	Quảng Trị	567	>65	150-250	Xấp xỉ
	Nam Đông	2251	>324	300-500	Xấp xỉ
	Huế	1293	>214	200-300	Xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	829	>135	200-300	Xấp xỉ
	Trà My	1919	>229	200-300	Xấp xỉ
	Ba Tơ	951	>88	200-300	Xấp xỉ
	Quảng Ngãi	724	>81	200-300	Xấp xỉ
	Quy Nhơn	292	<1	200-300	Xấp xỉ

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	An Khê	231	>15	150-250	Xấp xỉ
	Tuy Hòa	476	>38	200-300	Xấp xỉ
	Nha Trang	314	>51	200-300	Xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	102	>36	40-90	>10-20
	Lắk	126	>82	40-90	>10-20
	Buôn Mê Thuột	83	>9	40-90	>10-20
	Biên Hòa	183	>60	50-100	>10-20
	Cần Thơ	206	>56	50-100	>10-20

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/11/2025

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	W	777	<12	395	<46
Lô	Tuyên Quang	W	1397	>105	842	<49
Đà	Hồ Hòa Bình	W	2709	>51	1620	>10
Hồng	Hà Nội	W	4229	>65	2722	>24
Cầu	Gia Bảy	W	169.4	>197	70.5	>11
Lục Nam	Chũ	W	62.1	>91	36.3	<6
Mã	Cẩm Thủy	W	786	>48	467	>19
Cả	Yên Thượng	W	937	<32	739	<14
La	Hòa Duyệt	W	343	<33	454	>43
Tả Trách	Thượng Nhật	W	219	>254	121.7	>92
Thu Bồn	Nông Sơn	W	2696	>157	2048	>48
Trà Khúc	Sơn Giang	W	1633	>127	2579	>175
Ba	Củng Sơn	W	640	<1	907	<19
Cái NT	Đồng Trăng	W	153.4	>47	226.8	>45
ĐăkBlá	KonTum	W	42.2	< 81	54.4	<74
Srêpôk	Giang Sơn	W	228.7	> 30	311.0	>30
Tiền	Tân Châu	W			27134	>30
Hậu	Châu Đốc	W			5680	>22